TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Tùng.

Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1980 (Vắng mặt);
Hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.
Tạm trú: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1979 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G (nay là huyện T), tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung. Tuy nhiên, đến năm 2016 giữa chị N và anh T phát sinh mâu thuẫn, do anh T không lo làm ăn lại còn cờ bạc, vợ chồng xảy cự cãi, cuộc sống kinh tế

gia đình khó khăn, thiếu thốn. Không thể giải quyết mâu thuẫn gia đình, chị N về nhà cha mẹ ruột tại ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang sinh sống và sau đó tìm việc làm tại Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, chị N yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 16/6/2005. Khi ly hôn, chị N không có yêu cầu gì về con chung, tuỳ cháu T1 quyết định muốn sống chung với cha hoặc mẹ.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị N không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Minh T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, chưa gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh T vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N. Về con chung: Giao cháu T1 cho anh T nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh T và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh T có nơi cư trú tại ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Xét thấy nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn anh Nguyễn Minh T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh T.

[3] Về hôn nhân: Chị N và anh T chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện G (nay là huyện T), tỉnh Tiền Giang cấp giấy

chứng nhận kết hôn số 20 ngày 22/4/2005 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị N trình bày giữa chị và anh T xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được nên chị N yêu cầu được ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ, Tòa án triệu tập anh T để trình bày ý kiến và tham gia phiên hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh T đều vắng mặt. Điều đó cho thấy anh T không phản đối yêu cầu của chị N, không có thiện chí và nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa anh T và chị N không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 16/6/2005. Hiện tại cháu T1 đang sống chung với anh T. Khi ly hôn, chị N không có yêu cầu gì về con chung, tuỳ cháu T1 quyết định muốn sống chung với cha hoặc mẹ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án không thể lấy ý kiến của cháu T1 về nguyện vọng của cháu khi cha mẹ ly hôn. Mặc dù vậy, theo kết quả xác minh cho thấy, cháu T1 hiện tại đang sống chung với anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng, để không thay đổi môi trường sống, tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu T1 nên cần thiết giao cháu cho anh T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chị N được quyền thăm nom con theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh T chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày anh chị không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,

Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N, chị N được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 16/6/2005 cho anh Nguyễn Minh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị N có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008426 ngày 30/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên chị N đã nộp xong án phí.

Anh Nguyễn Minh T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh T vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thơm